

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10381 : 2014

Xuất bản lần 1

THỨC ĂN CHĂN NUÔI – CÁM GẠO

Animal feedstuffs – Rice bran

HÀ NỘI - 2014

TCVN 10381 : 2014

Lời nói đầu

TCVN 10381:2014 do Cục Chăn nuôi biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Thức ăn chăn nuôi - Cám gạo

Animal feedstuff - Rice bran

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 4326:2001 (ISO 6496:1999), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác*,

TCVN 4327:2007 (ISO 5984:2002), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định tro thô*.

TCVN 4328-2:2011 (ISO 5983-2:2009), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng nitơ và tính hàm lượng protein thô – Phần 2: Phương pháp phân hủy kín và chung cất bằng hơi nước*.

TCVN 4329:2007 (ISO 6865:2000), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng xơ thô – Phương pháp có lọc trung gian*.

TCVN 4331:2001 (ISO 6492:1999), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng chất béo*.

TCVN 6952:2001 (ISO 6498:1998), *Thức ăn chăn nuôi – Chuẩn bị mẫu thử*.

TCVN 9474:2012 (ISO 5985:2002), *Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric*.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

3.1

Cám gạo (rice bran)

Phần vỏ lụa của hạt gạo thường lẫn phôi và một phần nội nhũ.

3.2

Cám gạo đã tách dầu (deoiled rice bran)

Phần còn lại của cám gạo sau khi tách dầu bằng sử dụng dung môi.

4 Phân loại

Cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi được chia làm hai loại:

- Cám gạo chưa tách dầu;
- Cám gạo đã tách dầu.

5 Yêu cầu kỹ thuật

5.1 Yêu cầu về cảm quan

Các yêu cầu về cảm quan của cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi được qui định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan của cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Màu sắc	Có màu sáng tự nhiên của cám gạo
2. Mùi	Có mùi đặc trưng của cám gạo, không có mùi lạ
3. Trạng thái	Dạng bột, không bị vón cục, không bị mốc hoặc có mùi hôi của cám để lâu
4. Côn trùng	Không có côn trùng sống nhìn bằng mắt thường

5.2 Yêu cầu lý - hóa

Yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng của cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi được ghi trong Bảng 2.

Bảng 2 – Các chỉ tiêu chất lượng của cám gạo dùng làm thức ăn chăn nuôi

Chỉ tiêu	Cám gạo chưa tách dầu	Cám gạo đã tách dầu
1. Độ ẩm, tính theo % khối lượng, không lớn hơn	12	12
2. Hàm lượng protein thô, tính theo % khối lượng, không nhỏ hơn	12	14
3. Hàm lượng chất béo thô, tính theo % khối lượng, không nhỏ hơn	10	-
4. Hàm lượng chất xơ thô, tính theo % khối lượng, không lớn hơn	12	13
5. Hàm lượng tro thô, tính theo % khối lượng, không lớn hơn	10	12
6. Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric, tính theo % khối lượng, không lớn hơn	2	3
7. Mảnh vật rắn sắc nhọn	Không có	Không có

5.3 Yêu cầu về vệ sinh

Cám gạo không được có các chất độc hại, dư lượng các chất bảo quản, thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng không vượt quá mức tối đa cho phép theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6 Phương pháp thử

6.1 Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu

6.1.1 Lấy mẫu

Mẫu gửi đến phòng thí nghiệm phải là mẫu có tính đại diện và không bị suy giảm hoặc bị thay đổi trong quá trình vận chuyển hoặc bảo quản.

Phương pháp lấy mẫu không quy định trong tiêu chuẩn này, nên lấy mẫu theo TCVN 4325:2007 (ISO 6497:2002) [1].

6.1.2 Chuẩn bị mẫu

6.1.2.1 Chuẩn bị mẫu theo TCVN 6952:2001 (ISO 6498:1998). Mẫu phòng thí nghiệm phải có khối lượng không ít hơn 500 g.

6.1.2.2 Nghiền một lượng mẫu phòng thí nghiệm để lọt hoàn toàn qua sàng có đường kính lỗ 1mm, chia mẫu thử bằng thiết bị chia mẫu (loại hình nón hoặc nhiều rãnh có hệ thống phân phối) cho đến khi thu được lượng mẫu không dư 100 g.

Mẫu thử nghiệm được bảo quản trong lọ kín ở nơi khô ráo.

6.2 Xác định độ ẩm, theo TCVN 4326:2001 (ISO 6496:1999).

6.3 Xác định hàm lượng protein thô, theo TCVN 4328-2:2011 (ISO 5983-2:2009).

6.4 Xác định hàm lượng chất béo thô, theo TCVN 4331:2001 (ISO 6492:1999).

6.5 Xác định hàm lượng xơ thô, theo TCVN 4329:2007 (ISO 6865:2000).

6.6 Xác định hàm lượng tro thô, theo TCVN 4327:2007 (ISO 5984:2002).

6.7 Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric, theo TCVN 9474:2012 (ISO 5985:2002).

7 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển

7.1 Bao gói

Cám gạo được đựng trong các bao khô, bền chắc, đảm bảo vệ sinh.

TCVN 10381 : 2014

7.2 Ghi nhãn

Ghi nhãn phải đúng với các qui định hiện hành.

Trên bao bì ghi những nội dung sau:

- Tên sản phẩm, ghi rõ loại cám gạo.
- Khối lượng tịnh.
- Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu và hàm lượng.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Ngày sản xuất và thời hạn sử dụng.

Nếu là hàng rời, được sản xuất hoặc nhập khẩu theo số lượng lớn chứa trong container hay xe goòng thì có thể không dán nhãn nhưng phải có phiếu công bố chất lượng đi kèm .

7.3 Bảo quản

Cám gạo được bảo quản trong kho khô sạch, để nơi cao ráo, thoáng mát, không có chất độc hại và không mang mầm bệnh; kho phải có các biện pháp chống chuột và côn trùng phá hại.

7.4 Vận chuyển

Phương tiện vận chuyển cám gạo phải khô, sạch, không có mùi lạ, được che mưa nắng.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] TCVN 4325: 2007 (ISO 6497: 2002), *Thức ăn chăn nuôi – Lấy mẫu.*
 - [2] 10 TCN 864:2006, *Thức ăn chăn nuôi – Cám gạo – Yêu cầu kỹ thuật*
 - [3] GB 10371 – 89 *Rice bran for feedstuffs.*
 - [4] Malaysia national standard MS 778: 1982 *Specification for Rice Bran.*
 - [5] Chinese national standard No 2007/1995. *Rice Bran (For Feeding)*
 - [6] Chinese national standard No 2008/1995. *Defatted Rice Bran (For Feeding)*
 - [7] Indonesia national standard SNI 01-3178-1996/REW,92. *Rice Bran/Raw material of Feed*
 - [8] Feed stuffs. *The weekly newspaper for agribusiness.* 1990. Reference issue. July 25, 1990 – Volume 62, Number 31.
-